TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/DS-ST
Ngày: 13-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Việt;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2026/TLST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2026/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 323/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Địa chỉ trụ sở chính: Số D - 42 - 44, P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 - Chức vụ: Cộng tác viên tín dụng - Ngân hàng Thương mại cổ phần K - Chi nhánh B.

Căn cước công dân số 083059009075.

Địa chỉ liên hệ: Số E Đại lộ Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1981;

Căn cước công dân số 083181003056.

Nơi cư trú: Số A, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

2. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1975;

Căn cước công dân số 083075001974.

Nơi cư trú: Số A, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

(Ông H có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà L, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào năm 2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần K Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) có cho vợ chồng bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngân hàng và bà L, ông H1 có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025, nội dung thể hiện bà L và ông H1 có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng; phương thức giải ngân: nhận tiền mặt toàn bộ số tiền giải ngân, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: kinh doanh mua bán nhỏ, lãi suất trong hạn 16%/năm. Hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng ngày kể từ ngày 21/8/2025 cho đến ngày 17/02/2026. Số tiền gốc và lãi phải nộp hằng ngày là 119.877 đồng, số tiền nộp ngày cuối là 120.077 đồng. Tài sản cầm cố là xe Honda Airblade, biển số đăng ký 71B2-701.65, số khung 6309FZ306829, số máy JF63E1306857 do bà Lê Thị Thùy L đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 21/8/2025 đến hết ngày 04/9/2025, bà L và ông H1 đã thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng, nhưng thanh toán không đủ, mà chỉ thanh toán được mười ngày với số tiền đã thanh toán là 1.198.770 đồng (trong đó tiền gốc là 1.111.110 đồng, tiền lãi là 87.670 đồng). Từ ngày 05/9/2025 thì bà L và ông H1 không trả tiền cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L và ông H1 thực

hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà L và ông H1 vẫn không thực hiện là đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết.

Vì vậy, nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 26/12/2025 là 20.782.696đ (hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 18.888.900 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.437.808 đồng, tiền lãi quá hạn là 442.956 đồng, tiền lãi chậm trả là 13.032 đồng.

Trường hợp bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, kê biên tài sản cầm cố là xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B2-701.65 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025 để thanh toán hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1, tài sản cầm cố cụ thể là xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B2-701.65.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 có nơi cư trú tại phường A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản

2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bà L và ông H1 không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa bà L và ông H1 vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông H1 là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1, tài sản cầm cố cụ thể là xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B2-701.65. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 26/12/2025 là 20.782.696đ (hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 18.888.900 đồng, lãi trong hạn là 1.437.808 đồng, lãi quá hạn là 442.956 đồng, lãi chậm trả là 13.032 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025, nội dung thể hiện bà L và ông H1 có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng; phương thức giải ngân: nhận tiền mặt toàn bộ số tiền giải ngân, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: kinh doanh mua bán nhỏ, lãi suất trong hạn 16%/năm; hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng ngày kể từ ngày 21/8/2025 cho đến ngày 17/02/2026. Số tiền gốc và lãi phải nộp hằng ngày là 119.877 đồng, số tiền nộp ngày cuối là 120.077 đồng. Xét thấy hai bên đã lập

hợp đồng vay về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với hai bên. Khi ký hợp đồng vay thì giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, các loại phí phạt theo quy định của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà L và ông H1 thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho bà L và ông H1 thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong đó có thể hiện giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L và ông H1 không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng cũng như việc bà L và ông H1 có hay không có vay tiền của Ngân hàng. Như vậy, bà L và ông H1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung bà L và ông H1 có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 20/8/2025 và nay bà L và ông H1 còn nợ tiền của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, buộc bị đơn bà L và ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 26/12/2025 là 20.782.696 đồng; trong đó: tiền nợ gốc là 18.888.900 đồng, lãi trong hạn là 1.437.808 đồng, lãi quá hạn là 442.956 đồng, lãi chậm trả là 13.032 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.039.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 208, 217, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội);

Căn cứ các điều 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 4, Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1, tài sản cầm cố cụ thể là: xe Honda Airblade, biển kiểm soát 71B2-701.65.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với bị đơn bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 26/12/2025 là 20.782.696đ (hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 18.888.900đ (mười tám triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm đồng), lãi trong hạn là 1.437.808đ (một triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ tám đồng), lãi quá hạn là 442.956đ (bốn trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng), lãi chậm trả là 13.032đ (mười ba nghìn, không trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/8/2025 giữa Ngân hàng với bà L và ông H1.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.039.000đ (một triệu, không trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005398 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My